

Bản án số: 46/2024/HS-ST
Ngày: 27-5-2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN PHÚ NHUẬN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Hương Giang

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Lê Thị Thanh Dung

2. Bà Nguyễn Thị Túy Phương

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thanh Hà - Thư ký Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Huỳnh Thị Mỹ Hạnh - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số 38/2024/TLST-HS ngày 02 tháng 5 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 45/2024/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo:

Lâm Văn S, sinh ngày 21 tháng 01 năm 2002 tại tỉnh Sóc Trăng; nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: **Ấp N, xã Đ, huyện C, tỉnh Sóc Trăng; nơi ở: 3 T, Phường E, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh**; Nghề nghiệp: Xe ôm công nghệ; trình độ học vấn: 01/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Quốc tịch: Việt Nam; con ông: không rõ và bà: **Lâm Thị L** (sinh năm 1980); tiền án: Không; tiền sự: Không; nhân thân: ngày 16/9/2019, Bản án số 398/2019/HS-PT của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 03 năm tù về tội “Hiếp dâm người dưới 16 tuổi”. Đến ngày 01/9/2021 chấp hành xong. Bị cáo bị bắt giữ ngày 04/01/2024, tại Nhà tạm giữ, **Công an quận P**.

(Bị cáo có mặt tại phiên tòa)

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà **Dương Thị M**, sinh năm 1970 (vắng mặt)

Địa chỉ: **A N, Tổ C, thị trấn C, Huyện C, tỉnh Gia Lai**.

2. Ông **Nguyễn Trọng H1**, sinh năm 1995 (vắng mặt)

Địa chỉ: **A Hồ V, phường T, thành phố T, Thành phố Hồ Chí Minh**.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lúc 21 giờ 00 phút ngày 04/01/2024, tại đầu hẻm S T, Phường E, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh, Đội Cảnh sát điều tra tội phạm về ma túy Công an quận P phối hợp với Công an P, quận P phát hiện Lâm Văn S đang đẩy bộ xe gắn máy biển số 81T1-021.87 có biểu hiện nghi vấn nên mời về trụ sở làm việc. Tại trụ sở Công an P, quận P, Cơ quan Công an tiến hành kiểm tra hành chính đối với Lâm Văn S, kết quả phát hiện thu giữ trong túi đeo chéo S đeo trên người có 01 gói nylon chứa tinh thể không màu, kết luận giám định là ma túy ở thể rắn, khối lượng 0,2706 gram, loại Methamphetamine. S khai đây là ma túy S cất giấu nhằm mục đích bán lại cho người khác nên Cơ quan Công an đã tiến hành lập Biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Lâm Văn S. Lúc 02 giờ 10 phút ngày 05/01/2024, Cơ quan Công an tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của S tại nhà số C T, Phường E, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh phát hiện thu giữ: 01 cân điện tử.

Vật chứng là ma túy thu giữ của Lâm Văn S đã được giám định tại Kết luận giám định số 897/KL-KTHS ngày 10/01/2024 của Phòng K1 Công an Thành phố H.

Lâm Văn S khai nhận bản thân là đối tượng nghiện ma túy. Từ đầu tháng 11/2023, S bắt đầu mua ma túy của người tên T (không rõ lai lịch) và Vinh T1 (không rõ lai lịch) để sử dụng và bán lại cho Nguyễn K (không rõ lai lịch) được 02 lần, cụ thể:

+ Lần thứ nhất: Khoảng tháng 12/2013, S mua của T 300.000 đồng ma túy đá, giao dịch tại khu vực đường ray xe lửa, Quận C. Sau khi nhận ma túy. Sang chia nhỏ, bán lại một phần cho Nguyễn K với giá 200.000 đồng, phần ma túy còn lại S đã sử dụng hết.

+ Lần thứ hai: Ngày 01/01/2024, S liên hệ với V Trần đặt mua 1.300.000 đồng ma túy đá thì người này đồng ý và thỏa thuận buổi trưa cùng ngày sẽ giao ma túy đến trước số C T, Phường E, quận P cho S. S đã thanh toán tiền mua ma túy bằng hình thức chuyển khoản khoản ngân hàng V1 tên Trần Vinh T2. Đến khoảng trưa cùng ngày (S không nhớ thời gian cụ thể), có một người đàn ông (không rõ lai lịch) gọi điện thoại cho S ra địa điểm thỏa thuận nhận ma túy. Khi S đi đến thì thấy có sẵn 01 gói thuốc lá được quấn bằng keo nằm trên mặt đường, S nhặt gói thuốc lá đem về nhà, mở ra kiểm tra bên trong có 11 gói nylon chứa ma túy đá, sau đó S đã sử dụng hết 06 gói ma túy. Đến ngày 03/01/2024, S đã bán 04 gói ma túy cho Nguyễn K với giá 900.000 đồng, trong đó 800.000 đồng là tiền bán ma túy còn 100.000 đồng là tiền công S mua ma túy. Còn 01 gói ma túy còn lại S để trong túi của mình, đến ngày 04/01/2024 thì bị Cơ quan Công an kiểm tra, thu giữ như đã nêu trên.

Tại bản Cáo trạng số 31/CT-VKSPN ngày 23/4/2024 của Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận đã truy tố: Bị cáo Lâm Văn S về tội “Mua bán trái phép chất ma túy”

theo quy định tại khoản 1 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017).

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố bị cáo như nội dung bản cáo trạng. Sau khi phân tích tính chất và hậu quả của vụ án đối với xã hội, sau khi nêu lên những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo; đề nghị áp dụng khoản 1 Điều 251, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xử phạt bị cáo **Lâm Văn S** từ 03 (ba) năm – 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù; Xử lý vật chứng theo quy định của pháp luật.

Bị cáo **Lâm Văn S** thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, bị cáo không có ý kiến tranh luận gì. Lời nói sau cùng bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về những chứng cứ, tài liệu do Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an quận P**, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên thu thập; do bị can, bị cáo, người tham gia tố tụng khác cung cấp đều thực hiện đúng trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập, cung cấp. Do đó, những chứng cứ, tài liệu trong vụ án đều hợp pháp.

[2] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra **Công an quận P**, Thành phố Hồ Chí Minh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Phú Nhuận, Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng như đã nêu trên. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[3] Nhận định hành vi và điều khoản xét xử:

Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa cũng như tại cơ quan điều tra là phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của người làm chứng, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, đồng thời cũng phù hợp với các biên bản hoạt động điều tra, biên bản bắt người phạm tội quả tang, biên bản thu giữ, giám định vật chứng, kết luận giám định cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập trong hồ sơ vụ án. Như vậy, với các tình tiết đã được chứng minh tại phiên tòa hôm nay đã có đủ cơ sở để kết luận: Lúc 21 giờ 00 phút ngày 04/01/2024, tại đầu **hẻm S T, Phường E, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh**,

Lâm Văn S bị Cơ quan Công an phát hiện, bắt quả tang có hành vi cất giấu ma túy khối lượng 0,2706 gram, loại Methamphetamine để bán cho người khác. Do vậy, bị cáo **Lâm Văn S** phải chịu trách nhiệm hình sự về tội "Mua bán trái phép chất ma túy" đối với khối lượng ma túy bị thu giữ khi bắt quả tang là 0,2706 gram loại Methamphetamine.

Đối với việc bị cáo khai đã bán ma túy nhiều lần; nhưng ngoài lời khai của bị cáo thì không còn chứng cứ chứng minh cho lời khai của bị cáo; nên không có căn cứ xem xét những lần mua bán ma túy trước đây cũng như số tiền thu lợi bất chính từ các hành vi này của bị cáo theo quy định pháp luật.

[4] Việc áp dụng hình phạt, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Ma túy là mối hiểm họa cho gia đình và xã hội, nó đã lây lan và phát triển một cách nghiêm trọng, làm suy đồi và băng hoại nhân cách con người, là một trong những nguyên nhân dẫn đến các tội phạm hình sự khác; trong khi chính quyền nhân dân các cấp đang ra sức thực hiện mục tiêu 3 giảm: “Giảm ma túy, giảm mại dâm, giảm tội phạm”. Hành vi đó của bị cáo cho xã hội, đã xâm phạm đến trật tự an toàn xã hội. Do vậy hành vi phạm tội của bị cáo cần phải bị xử phạt nghiêm minh bằng luật hình với mức hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, cụ thể cần thiết phải cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian nhất định để cải tạo giáo dục bị cáo.

Về tình tiết tăng nặng: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Tuy nhiên, xét thấy bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; do vậy Hội đồng xét xử áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt đối với bị cáo.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 5 Điều 251 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017, phạt bổ sung bị cáo một khoản tiền nộp ngân sách Nhà nước.

[5] Về xử lý vật chứng và các biện pháp tư pháp khác:

- Đối với 01 gói niêm phong ma túy còn lại sau giám định số 897(341/24) có các chữ ký ghi tên Đại úy **Võ La Bảo Y** (Giám định viên), **Đỗ Chính B** (Cán bộ điều tra), là vật lưu hành bất hợp pháp; vậy căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 túi đeo chéo màu đen là đồ vật dùng để đựng ma túy, nhưng không đáng giá trị; vậy căn cứ vào điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu và tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động hiệu **S1**, sim số 0799114121, **số I**: 351905100755896 và 01 điện thoại di động hiệu Oppo, sim số 0909945276, **số I**: 86036004392955001 và 01 cân điện tử màu xám; là phương tiện dùng vào việc mua bán trái phép chất ma túy; vậy căn cứ điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 xe mô tô BS 81T1-021.87, số khung: 44S1033750, số máy: 4S10BY033747, xe cũ. Kết quả xác minh chiếc xe trên do bà **Dương Thị M** đứng tên sở hữu. Bà **M** khai mua chiếc xe trên vào năm 2013 với giá 29.000.000 đồng, đến năm 2020, bà **M** bán chiếc xe cho ông **Từ Minh D**, tuy nhiên không thực hiện hợp đồng hay giấy tờ gì. Ông **Từ Minh D** khai cách đây 03 năm có mua chiếc xe trên của bà **M** với giá 6.800.000 đồng nhưng không làm giấy tờ, thủ tục sang tên, đến tháng 11/2023 thì bán lại xe cho ông **Nguyễn Trọng H1** giá 5.300.000 đồng. Ông **Nguyễn Trọng H1** khai sau khi mua xe của ông **D**, đến ngày 22/11/2023 thì bán xe cho **Lâm Văn S** giá 11.500.000 đồng. **Lâm Văn S** khai mua xe mô tô nêu trên của **H1** giá 11.500.000 đồng vào cuối năm 2023 để làm phương tiện chạy xe ôm công nghệ, là tài sản hợp pháp của bị cáo không liên quan đến hành vi phạm tội; vậy căn cứ điểm b khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015, trả lại cho chủ sở hữu là bị cáo **Lâm Văn S** nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Về án phí sơ thẩm: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. [6]. Đối với đối tượng tên **Vinh T1**, qua xác minh có tên **Trần Vinh T2**, tuy nhiên hiện nay đối tượng này không có mặt ở địa phương, đi đâu, làm gì không rõ. Cơ quan điều tra sẽ tiếp tục xác minh làm rõ có căn cứ xử lý sau. Đối với đối tượng tên **T**, **Nguyễn K** do không xác định được lai lịch nên không có căn cứ để xem xét xử lý.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1, khoản 5 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ vào điểm a, c khoản 2; điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên bố: Bị cáo **Lâm Văn S** phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo **Lâm Văn S** 03 (ba) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/01/2024. Hình phạt bổ sung: Phạt bổ sung bị cáo **S** số tiền 5.000.000 (năm triệu) đồng nộp ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu, tiêu hủy: 01 gói niêm phong ma túy còn lại sau giám định số 897(341/24) có các chữ ký ghi tên Đại úy **Võ La Bảo Y** (Giám định viên), **Đỗ Chính B** (Cán bộ điều tra); 01 túi đeo chéo màu đen.

- Tịch thu, nộp ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động hiệu **S1**, sim số 0799114121, **số I**: 351905100755896 và 01 điện thoại di động hiệu Oppo, sim số 0909945276, **số I**: 860360043929550; 01 cân điện tử màu xám.

- Trả lại cho bị cáo **Lâm Văn S**: 01 xe mô tô BS 81T1-021.87, số khung: 44S1033750, số máy: 4S10BY033747 (xe cũ) nhưng tiếp tục tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

(Tình trạng vật chứng và tài sản theo Biên bản giao nhận đồ vật, tài liệu, vật chứng ngày 07/5/2024 giữa **Công an quận P**, Thành phố Hồ Chí Minh và **Chi cục Thi hành dân sự quận P**, Thành phố Hồ Chí Minh).

Buộc: Bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000 (hai trăm ngàn) đồng.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Quyền và thời hạn kháng cáo: Bị cáo có quyền kháng cáo bản án; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình. Thời hạn kháng cáo là 15 ngày; đối với bị cáo có mặt tại phiên tòa tính từ ngày tuyên án; đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa đến vụ án tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết./.

Nơi nhận:

- Sở Tư pháp TP.HCM;
- TAND TP.HCM;
- VKSNDTP.HCM;
- VKSND Q.PN;
- Công an Q.PN; Bị cáo
- Chi cục THADS Q.PN;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu: VP, THAHS, Hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Thị Hương Giang